

Bảng tiêu chuẩn điểm điều chỉnh sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...*

* Nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...: Nhà trẻ được công nhận - Trường mẫu giáo được công nhận (bộ phận có chức năng chăm sóc) - Cơ sở chăm sóc trẻ theo khu vực

(Tính đến ngày 1/4/2022)

Bảng phụ lục 1

Lý do cần chăm sóc trẻ					Cha	Mẹ
1	Làm việc	Người được tuyển dụng	Số ngày làm việc từ 150 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 150 giờ trở lên/tháng	100	100
			Số ngày làm việc từ 120 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 120 giờ đến dưới 150 giờ/tháng	90	90
			Số ngày làm việc từ 80 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 80 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	85	85
			Số ngày làm việc từ 64 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 64 giờ đến dưới 80 giờ/tháng	80	80
			Số ngày làm việc từ 150 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 150 giờ trở lên/tháng	90	90
			Số ngày làm việc từ 120 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 120 giờ đến dưới 150 giờ/tháng	80	80
			Số ngày làm việc từ 80 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 80 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	75	75
			Số ngày làm việc từ 64 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 64 giờ đến dưới 80 giờ/tháng	70	70
			Số ngày làm việc từ 150 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 150 giờ trở lên/tháng	80	80
			Số ngày làm việc từ 120 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 120 giờ đến dưới 150 giờ/tháng	75	75
		Tự kinh doanh (người làm chủ)	Số ngày làm việc từ 150 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 150 giờ trở lên/tháng	80	80
			Số ngày làm việc từ 120 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 120 giờ đến dưới 150 giờ/tháng	70	70
			Số ngày làm việc từ 80 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 80 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	65	65
			Số ngày làm việc từ 64 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 64 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	60	60
			Số ngày làm việc từ 150 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 150 giờ trở lên/tháng	60	60
			Số ngày làm việc từ 120 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 120 giờ đến dưới 150 giờ/tháng	55	55
			Số ngày làm việc từ 64 giờ/tháng trở lên	Số giờ làm việc từ 64 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	50	50
		Mang thai -	Từ 8 tuần trước ngày dự sinh đến 8 tuần sau khi sinh		-	100
		Bị bệnh - khuyết tật	Nhập viện		100	100
			Điều trị phục hồi tại nhà	Nằm liệt giường	100	100
			Điều trị ngoại trú nhiều lần trong tháng	Điều trị ngoại trú nhiều lần trong tháng	70	70
		Khuyết tật	Khuyết tật thể chất cấp độ 1, 2 - khuyết tật tâm thần cấp độ 1, 2 - khuyết tật trí tuệ cấp A		100	100
			Kiểm định cấp độ 3 ~ 6		70	70
		Chăm sóc - điều dưỡng	Gặp khó khăn trong việc chăm sóc những trẻ khác do phải đi cùng một đứa trẻ đến cơ sở dành cho trẻ bị tổn thương		80	80
			Đi cùng đến bệnh viện, v.v... để chăm sóc - điều dưỡng, chăm sóc - điều dưỡng tại nhà		70	70
		Đang thực hiện các biện pháp khắc phục thảm họa	Đang thực hiện các biện pháp khắc phục thảm họa		100	100
			Đang nỗ lực tìm việc hoặc chuẩn bị khởi nghiệp (bao gồm cả dự định)		50	50
		Học tập	Đang tham gia các lớp kỹ năng - Đang đi học	Thời gian học từ 120 giờ trở lên/tháng	80	80
			Đang tham gia các lớp kỹ năng - Đang đi học	Thời gian học từ 64 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	70	70
		Ngược đãi, bạo hành gia đình	Ngược đãi (hộ gia đình đã nhận được thông báo từ Trường Văn phòng tư vấn trẻ em, v.v...)		999	
			Bạo hành gia đình (hộ gia đình, v.v... được Tòa án gia đình ban hành lệnh bảo vệ, v.v...)		100	
		Lý do tương ứng với mục trẻ	Đang theo học trường dạy tiếng Nhật		50	50
			Hỗ trợ tiếp tục làm việc loại B	Số giờ chăm sóc ngoại trú từ 120 giờ trở lên/tháng	80	80
			Hỗ trợ tiếp tục làm việc loại B	Số giờ chăm sóc ngoại trú từ 64 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	70	70
		Tiếp nhận	Trường hợp đang sinh sống bên ngoài thành phố Sapporo (*1)		30	

Quận Thành phố Sapporo

Họ tên của trẻ

Tổng chi số

Số tiền thuế

Thuế dựa trên thu nhập	
Thuế tính theo tỷ lệ bình quân	

Bảng phụ lục 2

Hạng mục			Chỉ số
1	Loại hộ gia đình	Hộ gia đình đơn thân	120
		Trường hợp nhận thấy rõ nhu cầu chăm sóc trẻ, nhưng có những trường hợp gây khó khăn cho việc xác định điểm số	70
		Hộ gia đình có người khuyết tật	10
2		Hộ gia đình có mức thuế dựa trên thu nhập dưới 48.600 yên (*2)	10
3		Hộ gia đình tương ứng với mục 6 của Bảng phụ lục 1, và được công nhận là đặc biệt cần phục hồi tư lập thông qua việc người giám hộ đi làm	20
4	a) Trường hợp nhập học sau khi người giám hộ hết thời hạn nghỉ thai sản, nghỉ chăm con		40
		b) Trường hợp anh chị em đang nhập học tại nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...	80
		c) Trường hợp đã có anh chị em đang nhập học tại trường mẫu giáo được công nhận tương ứng (bộ phận có chức năng giáo dục)	60
		d) Trường hợp người giám hộ hết thời hạn nghỉ thai sản, nghỉ chăm con và trẻ có anh chị em đã nhập học	100
5	e) Có nhu cầu cho trẻ nhập học cùng với anh chị em		30
6	Những người có chứng chỉ như giáo viên mầm non, v.v... thực hiện công việc chăm sóc trẻ tại các nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... trong thành phố Sapporo	Số giờ làm việc từ 150 giờ trở lên/tháng	110
		Số giờ làm việc từ 120 giờ đến dưới 150 giờ/tháng	80
		Số giờ làm việc từ 80 giờ đến dưới 120 giờ/tháng	50
		Số giờ làm việc từ 64 giờ đến dưới 80 giờ/tháng	30
7	Chuyển trường (*4)	Trường hợp do chuyển chỗ ở	20
		Trường hợp phải chuyển trường do đã quá tuổi tiếp nhận tại nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... (* 5, 6)	400 (700)
		Trường hợp chuyển từ nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... đã ngừng hoạt động	400
		Trường hợp khác mà Trường Bộ phận Phúc lợi và bảo vệ sức khỏe cho rằng cần phải tiếp tục chăm sóc trẻ	400
8		Trường hợp chuyển từ nhóm 1 sang nhóm 2 trong cùng một Trường mầm non được công nhận	700
9	* Trường hợp tiếp tục nhập học tại cùng một cơ sở khi Cơ sở giữ trẻ chưa được công nhận chuyển thành Nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...		700
		Trường hợp trẻ đang nhập học tại nơi giữ trẻ được công nhận v.v... trở thành đối tượng được giám hộ tạm thời, v.v... tại Văn phòng tư vấn trẻ em đã rời khỏi cơ sở, và có nguyện vọng nhập học lại trong vòng 1 tháng kể từ ngày hủy bỏ giám hộ tạm thời, v.v...	700

[Bảng phụ lục 1]

*1 Về nguyên tắc, không công điểm của các mục khác vào mục "11 Tiếp nhận trẻ nhập học trái tuyến", chỉ công điểm của mục "8" ở Bảng phụ lục 2 vào khi chuyển đến nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... của cơ sở nhận học.

Ngoài ra, trường hợp có người giám hộ đang tham gia vào công việc chăm sóc trẻ tại nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... ở thành phố Sapporo, thì trẻ sẽ được tính là sinh sống ở thành phố Sapporo bất kể mục này.

[Bảng phụ lục 2]

*2 Không bao gồm hộ gia đình đang nhận trợ cấp hỗ trợ sinh hoạt

*3 Chỉ thêm 1 hạng mục trong số các mục tương ứng, thay vì lặp lại và thêm mục a-d.

Ngoài ra, nếu cả b-d và e đều được áp dụng, thì sẽ ưu tiên b-d, và không thêm e.

*4 Trường hợp đang sử dụng chế độ dành cho nhân viên của Cơ sở giữ trẻ tại doanh nghiệp, các mục tương ứng sẽ không được thêm vào mà được tính là đáng kỳ mới.

Tuy nhiên, có thể áp dụng mục "9" của Bảng phụ lục 1.

*5 Việc chuyển trường từ "Nhà trẻ" được áp dụng từ thời điểm trẻ đủ 1 tuổi 10 tháng, và chuyển trường từ "Cơ sở chăm sóc trẻ theo khu vực" và "Nơi giữ trẻ được công nhận chỉ tiếp nhận số trẻ quy định thuộc nhóm 3" được áp dụng từ thời điểm trẻ đủ 3 tuổi.

Tuy nhiên, trường hợp trẻ đã nhập học vào nơi giữ trẻ được công nhận chỉ tiếp nhận số trẻ quy định thuộc nhóm 3 sau khi đủ 3 tuổi, thì điểm điều chỉnh sử dụng sẽ được áp dụng từ đầu năm tài chính tiếp theo.

Trường hợp nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... (không bao gồm Cơ sở chăm sóc trẻ theo khu vực) là "Cơ sở liên kết (chỉ những cơ sở có chức năng tiếp nhận)", và cơ sở liên kết tương ứng nằm trong nguyên vọng 1, thì số điểm sẽ là 700 điểm (trường hợp trẻ vẫn muốn vào các cơ sở liên kết khác từ nguyên vọng 2 trở xuống cũng sẽ là 700 điểm).

*6 Trường hợp được cộng mục 700 điểm, sẽ ưu tiên cho trẻ không được cộng thêm, bất kể số điểm.

Ngoài ra, đối với điểm điều chỉnh trong phần tiếp nhận của cơ sở liên kết, sẽ ưu tiên cho trẻ có nguyện vọng chuyển trường từ cơ sở liên kết hơn các trẻ khác.

Bảng phụ lục 3

Trường hợp bằng điểm sẽ ưu tiên theo thứ tự được mô tả trong bảng sau đây.

1	Anh chị em đã nhập học vào cơ sở theo nguyện vọng tương ứng
2	Anh chị em đã nhập học tại cơ sở
3	Hộ gia đình có mức thuế dựa trên thu nhập thấp
4	Hộ gia đình có thuế tính theo tỷ lệ bình quân đầu người thấp
5	Hộ gia đình đơn thân hoặc Hộ gia đình có người khuyết tật sống cùng
6	Trẻ được đăng ký là trẻ khuyết tật
7	Hộ gia đình có nhiều con
8	Hộ gia đình hạt nhân
9	Đánh giá toàn diện từ tình hình của hộ gia đình